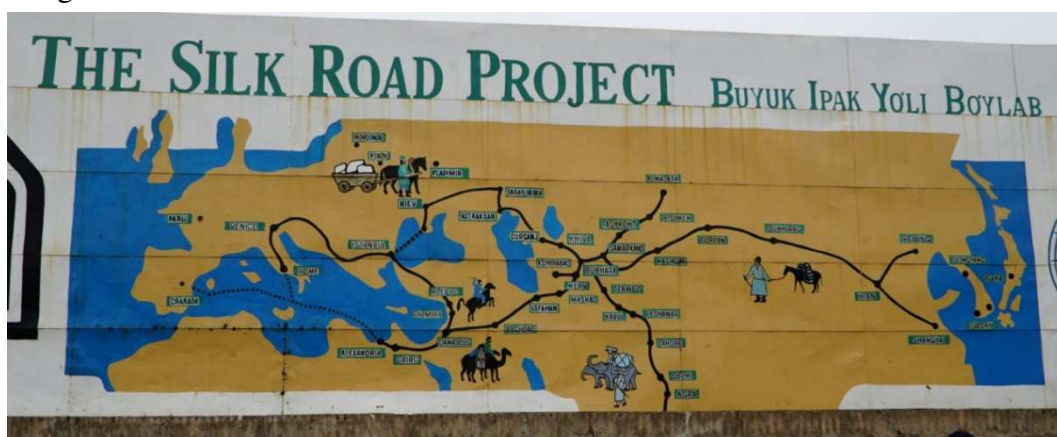


Uzbekistan, con đường tơ lụa đầy huyền thoại!!!

Lương nguyên Hiền

Tôi đáp xuống phi trường quốc tế Tashkent, thủ đô đất nước Uzbekistan, vào một buổi sáng khá lạnh, trời đã bắt đầu chuyển sang đông. Không một gợn mây, bầu trời trong xanh và cái mát lạnh của ban mai theo cơn gió thổi từ sa mạc ập vào mặt, làm tôi tỉnh ngủ sau hơn 5 tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay. Anh hướng dẫn viên người Uzbekistan đứng đón chúng tôi tại phi trường, mở lời chào du khách bằng tiếng Ả Rập “Assalamu alaikum“ (Bình an ở cùng bạn). Anh tự giới thiệu tên là Dillshod. Anh nói tiếng Đức rất thông thạo mặc dù chưa một lần qua Đức. Sau khi xe bus chạy một vòng để du khách ngắm thủ đô Tashkent, chúng tôi được chở tới Hotel Uzbekistan, một khách sạn khá lớn mang dấu ấn kiến trúc thời Liên Xô, nằm trước quảng trường Amir Timur, trung tâm thành phố. Ở lại đây một đêm, rồi sáng mai chúng tôi lên đường đi tham quan đất nước này. Theo chương trình, tôi sẽ thăm 3 thành phố nằm trên đường tơ lụa, là Samarkand, Bukhara, Khiva (Xiva) cộng thêm thủ đô Tashkent nữa là 4 nơi cho 9 ngày 8 đêm. Riêng ở Tashkent mất 3 đêm, 5 đêm còn lại chia đều cho 3 thành phố, có nghĩa là tôi sẽ được ngủ ở mỗi Hotel một đêm và nhiều lắm là hai đêm, rồi sáng hôm sau sẽ khăn gói lên đường tới thành phố khác, cái kiểu sáng thức dậy không biết tối nay mình sẽ được ngủ ở đâu. Thôi thì cũng đành, cái nào thì cũng có cái giá của nó, muốn xem hoa phải cỡi ngựa, muốn đi xa phải chịu khó ngồi xe bus. Nhưng cũng may là kỳ này, tôi không phải hoàn toàn ngồi xe bus mà còn được thưởng thức đi xe lửa tốc hành từ Tashkent đến Samarkand, rồi lại bay từ phi trường Urgench về lại Tashkent. Lý do rất đơn giản, Uzbekistan đất rộng dân thưa, có 33 triệu dân trên diện tích 448.978 km² (Việt Nam 331.699 km²), nên từ thành phố này đến thành phố khác khá xa, nhiều khi cách nhau cả một sa mạc rộng mênh mông bát ngát.



Bản đồ con đường tơ lụa ở thành phố Khiva (Ảnh tác giả)

Uzbekistan, con đường tơ lụa:

Nói đến con đường tơ lụa là nói đến những câu chuyện truyền thuyết mang tính chất phiêu lưu, huyền bí mà nhiều khi còn đậm nét hoang đường. Ngay khi còn ở quê nhà, tôi đã thích thú đọc truyện cổ tích “Nghìn lẻ một đêm” của nước Iran (Ba Tư), truyện thần thoại “Tây Du Ký” của Trung Hoa, truyện phiêu lưu mạo hiểm “Marco Polo du ký” của Ý,... Truyện “Nghìn lẻ một đêm” kể về một người con gái xinh đẹp, thông minh được tiến cung làm vợ vua một

đêm. Sáng hôm sau như tất cả các cô gái khác, cô sẽ bị chém đầu. Để cứu mình, cô gái tìm cách kể chuyện cho vua nghe. Những câu chuyện thật hấp dẫn và lôi cuốn nhưng không bao giờ chấm dứt, chuyện này nối tiếp chuyện kia, mỗi đêm một câu chuyện khác nhau. Nhà vua vì mê nghe kể chuyện, đành phải chờ đến tối hôm sau, nhờ đó cô gái đã thoát chết. Những chuyện được kể trong “Nghìn lẻ một đêm” phần đông có tính chất dân gian được thu lượm từ các nước nằm rải rác trên con đường tơ lụa.

Đến bộ truyện “Tây Du Ký” gồm những câu chuyện thần thoại của Ngô Thừa Ân, nhà văn gốc Trung Quốc ở thế kỷ thứ 16, đã tiểu thuyết hóa một nhân vật có thật là vị cao tăng Đường Huyền Trang, sống ở thế kỷ thứ 7. Vị cao tăng này đã đi từ kinh đô Trường An lần theo con đường tơ lụa để vào Tây Trúc (Ấn Độ) thỉnh kinh Phật, với 3 đệ tử là con khi đá Tôn Ngộ Không tượng trưng cho lý trí, con heo Trư Bát Giới cho tham lam, dục vọng và Sa Tăng mặt xám đen cho sự nhẫn nại, cần cù. Nhân vật thần thông Tôn Ngộ Không, tự phong là Tề thiên Đại thánh, được Ngô Thừa Ân phỏng theo Thần khí Hanuman trong bộ sử thi cổ đại Ấn Độ Ramayana và Mahabharata.

Truyện phiêu lưu mạo hiểm “Marco Polo du ký” viết về một người Ý tên là Marco Polo vào thế kỷ thứ 14 đã sử dụng con đường tơ lụa để vào Trung Quốc và đã được tiếp kiến Hốt Tất Liệt (Kublai Khan), đại hãn của đế quốc Mông Cổ sau này lập lên nhà Nguyên ở Trung Quốc với miếu hiệu là Nguyên Thế Tổ. Tương truyền là món mì (Spaghetti) của Ý do Marco Polo mang về từ Trung Quốc.

Và gần đây, trong truyện kiếm hiệp “Ỗ Thiên Đồ Long Ký” của Kim Dung. Có một cô gái tên là Tiểu Chiêu, gốc người Ba Tư (Iran), rất xinh đẹp, hiền dịu, thông minh nhưng lại mang số phận đau buồn. Tiểu Chiêu rất yêu Trương Vô Kỵ, chỉ muốn nguyện suốt đời làm “oshin” cho Vô Kỵ. Nhưng cuối cùng vì mẹ, Kim Hoa Bà bà, cô phải hy sinh tình yêu để làm thánh nữ của Tổng đàn Minh giáo Ba Tư. Kim Dung đã viết Tiểu Chiêu đi bằng con đường tơ lụa từ Ba Tư đến Trung Hoa và sau này trở về lại Ba Tư cũng qua con đường đó.



Quảng trường Amir Timur ở thủ đô Tashkent (Ảnh tác giả)

Những câu chuyện hoang đường đầy thú vị và lôi cuốn ở trên đã gợi trí tò mò trong tôi và tôi đã phải tự hứa với mình sẽ có một ngày tới tận nơi, nhìn tận mắt con đường huyền thoại đó. Năm nay, một dịp may đã đến, một người quen rủ đi chung, tôi đồng ý liền và quyết định chọn nơi mình tới là Uzbekistan. Lý do đơn giản, Uzbekistan là ngã ba của con đường tơ lụa. Muốn đi từ Á qua Âu hay từ Âu về Á đều phải đi qua vùng đất này. Nhìn vào bản đồ to lớn được đặt ở thành phố Khiva (Xiva), ta sẽ thấy có 2 con đường, một đi từ Thượng Hải (Trung Quốc) và hai đi từ thành phố Delhi (Ấn Độ). Cả hai đường đều

chạy qua Uzbekistan để tới thành phố Rome (La Mã nước Ý) hay tới hải cảng Alexandra (Ai Cập) và từ đó đi thuyền tới châu Âu. Uzbekistan có một vị trí rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quân sự bởi là trung tâm của vùng Trung Á và là một quốc gia duy nhất có chung biên giới với năm quốc gia còn lại ở Trung Á là: Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan, Afghanistan và Turkmenistan. Cũng do đó, Uzbekistan thường xuyên bị các đế quốc dòm ngó và liên tục bị xâm chiếm, bởi ai làm chủ được Uzbekistan, người đó sẽ nắm được huyết mạch của con đường tơ lụa. Ở thế kỷ thứ 4 trước Công Nguyên (TCN), Uzbekistan bị Alexander Đại đế của Macedonia mang quân qua chinh phục. Sau đó bị đế chế Iran cai trị trong nhiều thế kỷ. Thế kỷ thứ 8 sau Công Nguyên, Uzbekistan lại bị người Ả Rập xâm chiếm và họ đã mang đạo Hồi vào đây truyền bá. Đến thế kỷ thứ 13 bị quân Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn (Dschingis Khan) chinh phục. Thế kỷ thứ 14, Timur (Thiếp Mộc Nhi), còn gọi là Tamerlane, nổi lên chống lại Mông Cổ và xây dựng đế chế Timur. Sau khi chinh phục các nước Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Irak, ... đế chế Timur trở lên rộng lớn như chưa bao giờ từng có, bao gồm Trung Á, Iran, Mông Cổ, đông Trung Quốc và bắc Ấn Độ. Đến cuối thế kỷ thứ 19, vật đổi sao rời,

Uzbekistan bị thôn tính và rồi bị sáp nhập vào nước Nga. Năm 1991, sau Liên bang Xô viết tan rã, Uzbekistan mới dành được độc lập cho đến nay.

Con đường tơ lụa như tên của nó, khởi đầu từ nghề ươm tơ dệt lụa nhưng sau dần dần biến thành buôn tơ bán lụa. Nhiều tài liệu cho rằng nhà địa lý học người Đức Ferdinand von Richthofen đã khai sinh ra cái tên bằng tiếng Đức “Seidenstraße” (Con đường tơ lụa) [1], sau khi ông xuất bản hàng loạt các tài liệu viết về con đường thương mại cổ xưa này vào giữa thế kỷ 19. Cách đây khoảng 4.000 năm, thời Hoàng Đế, người Trung Quốc đã biết trồng dâu, nuôi tằm, kéo tơ và dệt lụa. Các vua chúa, lớp quý tộc đặc biệt là ở Rome rất thích loại tơ lụa của Trung Quốc. Theo tương truyền, Nữ hoàng Ai Cập Cleopatra chỉ mặc một thứ áo bằng lụa. Lụa trở thành món xa xỉ phẩm chỉ dành riêng cho các vua chúa hay giới thượng lưu đài các. Có thời kỳ lụa đã là một thứ tiền tệ trên con đường này, thương nhân phải mang vàng lên cân để đổi lấy lụa, cứ một cân vàng là một cân lụa. Thứ hàng đắt tiền này, không phải ai cũng có thể mua được, ngay cả một số vua chúa cũng không dám mua lụa để tặng cho các ái thiếp của mình. Con đường tơ lụa được xây dựng vào khoảng thế kỷ thứ 2 TCN, có tính cách nhiều về quân sự hơn về kinh tế. Nhưng vì mối lợi về buôn bán tơ lụa quá lớn, các thương gia Trung Quốc đã đổ xô mang lụa từ các tỉnh Phúc Châu, Hàng Châu, Bắc Kinh vượt qua những sa mạc khô cháy bao la, những con đường dài ngoằn ngoèo vô tận ở Mông Cổ, Ấn Độ, Trung Á, Iran, Irac, Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp,... để vào châu Âu và trạm cuối là thành phố Rome. Thương nhân mang lụa tới châu Âu và mang về Trung Quốc những thổ sản hiếm quý như đồ gia vị, đồ đá quý, đồ dùng bằng kim loại,... Con đường tơ lụa trở nên tấp lậ, các thương nhân đi thành từng đoàn, sử dụng lạc đà làm phương tiện chuyên chở, nhiều đoạn đường họ cần phải có bảo kê đi theo bảo vệ và dẫn đường. Cứ khoảng 50 km lại có một trạm gọi là Caravanseraï.



Một Caravanseraï ở sa mạc
(Ảnh tác giả)

Caravanseraï là một quán trọ lớn với tường bao quanh vững chắc để bảo vệ lữ hành ngủ lại đêm và cũng là nơi trao đổi hàng hóa, bởi vì ít thương nhân nào đi hết đoạn đường tơ lụa. Anh Dillshod cho biết con đường tơ lụa dài ước chừng khoảng 7.000 km và người lữ hành thuở ấy cần một thời gian khoảng 6 đến 7 năm để đi hết đoạn đường này. Đây cũng là lý do chính làm giá lụa đắt như vàng. Con đường tơ lụa không dừng lại ở chỗ buôn tơ bán lụa và trao đổi hàng hóa, nó đã vượt qua phạm vi kinh tế, thương mại để trở thành gạch nối chính trị, văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, đời sống sinh hoạt giữa phương

Đông và phương Tây thời cổ đại. Con đường tơ lụa đã tạo nên động lực thúc đẩy nền văn minh nhân loại phát triển không ngừng trong thời kỳ này. Con đường huyền thoại này bị tan rã vào thế kỷ 15, tồn tại được khoảng 17 thế kỷ. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là chiến tranh liên tục, thuế má cao, cướp bóc nhiều và quan trọng hơn hết là con đường tơ lụa trên biển ra đời. Những đoàn thuyền to lớn dần dần thay thế cho đoàn lạc đà đi trong sa mạc. Việt Nam cũng nằm trên con đường tơ lụa trên biển đó.

Con đường thịnh kinh của Đường Huyền Trang:

Nói đến con đường tơ lụa không thể không nói đến con đường thịnh kinh của ngài Huyền Trang đời Đường, thường được gọi là Đường Huyền Trang, khởi đi từ kinh đô Trường An cho tới Tây Trúc (Ấn Độ). Đường Huyền Trang (595-664) [2] là vị cao tăng Trung Quốc, tên thật là Trần Huy đi tu từ khi còn nhỏ. Ngài còn có tên là Đường Tăng hay Đường Tam Tạng. Đường Tăng là chức do vua Đường phong cho và Tam Tạng là một danh hiệu đặc biệt dành cho những vị cao tăng tinh thông Tam tạng (Tipitaka), là ba phần cốt tủy của kinh sách đạo Phật: Kinh Tạng (Sutra), Luật Tạng (Vinaya), Luận Tạng (Abhidharma). Đường Huyền Trang là một trong bốn dịch giả lớn chuyên dịch kinh sách Phật giáo. Sự nghiệp về dịch thuật của

Ngài thật lớn lao với 75 bộ kinh Phật gồm 1.335 quyển với hơn 1.330 vạn chữ được dịch phần lớn từ chữ Phạn ra chữ Hán. Ngoài ra Đường Huyền Trang còn để lại một tập sử liệu rất đặc sắc là bộ “Đại đường tây vực ký” gồm 12 quyển. Trong bộ bút ký này Đường Huyền Trang đã kể lại rất tỷ mỉ về địa lý, lịch sử, xã hội, tập quán, tình hình Phật Giáo của 110 nước lớn nhỏ mà ngài đã đi qua. Đây là một sử liệu rất quan trọng về các nước ở Trung Á và Ấn Độ thời cổ xưa và là một kim chỉ nam cho các lữ hành, thương nhân đi từ Trung Quốc tới Ấn Độ.



Tượng Đường Huyền Trang ở Tháp Đại Nhạn thuộc tỉnh Thiểm Tây / Trung Quốc (Ảnh Internet)

Năm 628, Đường Huyền Trang một mình một bóng, cô thân chích ảnh, cưỡi ngựa quyết tâm lần theo con đường tơ lụa đi về Tây phương để tìm thầy học đạo. Ngài đi trên năm vạn dặm đường, trải qua bao nhiêu hiểm nguy, vượt qua bao nhiêu ngọn núi cao, băng qua bao nhiêu sông dài, lên thác xuống ghềnh, nhịn đói nhịn khát, qua những sa mạc nắng chói chan, không một tàn cây, không một bóng người, nhiều khi tưởng đã chôn thân nơi đất lạ. Cuộc hành trình kéo dài hơn hai năm trời, vượt qua Mông Cổ, Tây Vực (Tân Cương), Thổ Nhĩ Kỳ, Afghanistan,... mới tới được đất Phật (Ấn Độ). Đi đến đâu, Ngài cũng tìm cách thuyết giảng Phật Pháp,

nhờ vậy Phật giáo ở Trung Á đã có cơ hội phát triển thêm rộng rãi.

Đạo Phật du nhập vào Trung Á cách đây trên 2 ngàn năm. Các nhà sư Ấn Độ thường đi theo các thương gia để tới Trung Á qua con đường tơ lụa. Đến thời Ashoka (A-Dục Vương) ở thế kỷ thứ 3 TCN, nhờ vị vua Ấn Độ kiệt xuất này Phật giáo đã trở nên hưng thịnh. Một số trung tâm Phật giáo dần dần xuất hiện trên con đường tơ lụa, ở Trung Á như ở thành phố Bamiyan thuộc Afghanistan, thành phố Termez thuộc Uzbekistan và ở Trung Quốc như tỉnh Cam Túc (Thạch động Đôn Hoàng). Mới đây rất nhiều Phật tích đã được phát hiện ở Termez và thành phố này đã trở thành thánh địa của Phật giáo để cho Phật tử tới chiêm ngưỡng. Từ những trung tâm đó, Phật giáo đi vào Tây Tạng, Mông Cổ và Trung Quốc. Khi đến thung lũng Bamiyan thuộc Afghanistan, Đường Huyền Trang có viết về 2 bức tượng Phật được khắc vào núi đá. Hai bức tượng này được tạo khoảng thế kỷ thứ 6 và được coi là cao nhất thế giới, một tượng lớn là tượng Phật hóa thân cao 53 m, một tượng nhỏ hơn là tượng Phật Thích Ca cao 38 m. Rất tiếc là cả hai bức tượng đã bị bọn cuồng tín phá hủy vào năm 2008. Hiện nay, UNESCO đang tìm cách xây dựng lại 2 bức tượng trên. Trong sách của Đường Huyền Trang có viết đến tượng Phật thứ ba, tượng Phật nằm nhập Niết Bàn. Đến nay mặc dù có rất nhiều nỗ lực tìm kiếm nhưng chưa thành công. Người ta hy vọng là tượng Phật thứ ba này còn tồn tại và đang bị chôn vùi dưới lòng cát chứ không phải bị phá hủy bởi thời gian hay chiến tranh.

Tới Ấn Độ, Đường Huyền Trang tìm đến Phật học viện Nalanda để học tập kinh kệ, được Giới Hiền đại sư, một vị cao tăng thuở đó, nhận làm đệ tử. Sau mấy năm trời tu học, Ngài xin trở về Trung Quốc mang theo 657 bộ kinh. Ngài đi như vậy tổng cộng là 17 năm trời, từ một chàng thanh niên 33 tuổi và về đến kinh đô Trường An lúc trung niên 50 tuổi. Thời gian còn lại, Ngài cống hiến trọn đời mình cho việc dịch kinh và nghiên cứu về Phật giáo. Đường Huyền Trang mất năm 664, để lại cho hậu thế một gia tài kinh sách đồ sộ. Một phần cũng nhờ công đức của Ngài, Phật giáo đời Đường đã trở nên cực thịnh và được nâng lên thành Quốc giáo. Và cũng nhờ Ngài mà một số bộ kinh Phật mang theo về Trung Quốc còn tồn tại đến ngày hôm nay, sau khi học viện Nalanda bị vua Aiback gốc Hồi giáo phá hủy vào năm 1197 cùng với tất cả các kinh sách và tu sĩ.

Samarkand, cô đô huyền bí:

Tôi tới Samarkand sau 3 tiếng đồng hồ ngồi xe lửa. Samarkand cách thủ đô Tashkent khoảng 350 km. Samarkand có nghĩa là “thành phố đá”, là trung tâm giao thương của con

đường tơ lụa, nơi gặp gỡ của hai nền văn minh phương Đông và phương Tây. Samarkand được nổi tiếng là một trong những thành phố đẹp nhất thế giới, không kém gì so với Paris, New York, Tokio,... và mang danh là “Tấm gương soi của thế giới” [3], bởi vì nơi đây có một nền văn hóa rất đa dạng, đa chủng và mang nhiều nét của Nga, Ấn Độ, Trung Hoa,... Với 2750 năm lịch sử, Samarkand có một chiều dày văn minh lâu đời tuy không bằng Babylon nhưng không thua gì Rome hay Athen. Năm 2001, Samarkand được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới.



Quảng trường Registan về đêm



Tháp Minaret (Ảnh tác giả)

Thành phố Samarkand đã từng bị phá đi xây lại bao nhiêu lần, theo vận nước nổi trôi. Khi xưa, Alexander Đại Đế và Thành Cát Tư Hãn (Dschingis Khan) đã từng mang quân chinh chiến tới đây. Vó ngựa của quân Mông Cổ đến đâu, để lại chết chóc, hoang tàn đến đó và biết bao nhiêu đền đài đã bị chiến tranh tiêu hủy. Đến thế kỷ thứ 14, Samarkand mới được phục hồi. Vua Tamerlane đánh đuổi được quân Mông Cổ, gây dựng đế chế Timur và chọn Samarkand làm kinh đô. Tuy vua Tamerlane được người dân Uzbekistan coi như một đại anh hùng, nhưng lại là một trong những vị vua tàn bạo nhất châu Á. Điều đặc biệt ở Tamerlane, ông rất say mê nghệ thuật, đã để lại một di sản văn hóa khổng lồ cho nhân loại. Mỗi lần xua quân xâm chiếm nước khác, Tamerlane đều bắt các nghệ nhân làm nô lệ, cướp của cải, lấy châu báu mang về xây dựng kinh đô của mình. Samarkand dưới thời Tamerlane đã trở thành một trung tâm văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo và chính trị ở châu Á. Tamerlane cho xây rất nhiều những công trình vĩ đại như đền thờ Hồi giáo, Madrasa (học viện Hồi giáo), lăng tẩm. Quảng trường Registan, ngôi đền Bibi Khanym, lăng Gur-Emir là những điển hình cho nền kiến trúc đặc thù của thời đại Timur.

Được chờ tới quảng trường Registan vào một buổi trưa nắng ráo, tôi chợt bất ngờ đứng trước cái đẹp và cái vĩ đại của nó. Registan là một trong những quảng trường lớn nhất thế giới. Ở giữa quảng trường là ba tòa nhà Madrasa nguy nga tráng lệ, bên cạnh là những tháp Minaret cao sừng sững được điểm thêm những nhà mái vòm xanh nổi bật lên giữa bầu trời trong vắt. Những công hình cung được lát bởi những gạch men với những hoa văn được chạm khắc rất công phu, sắc sảo nhưng sống động. Sự hài hòa giữa màu sắc cổ kính xa xưa, lối kiến trúc Hồi giáo thời Trung cổ và sự tỉ mỉ, kỹ lưỡng trong lối trang trí đã tạo nên một dáng uy nghi nhưng không khép kín của công trình kiến trúc, mà tôi chưa bao giờ thấy trên những quốc gia khác tôi đã đi qua.

Ngôi đền Bibi Khanym cũng là nơi để đến chiêm ngưỡng. Ngôi đền này là một trong những đền thờ Hồi giáo lớn nhất thế giới với nhiều truyền thuyết được thêu dệt. Bibi Khanym là tên người thiếp yêu của vua Tamerlane, đây là một chuyện ít xảy ra ở xứ Hồi giáo vì không ai lấy tên phụ nữ đặt cho đền thờ. Nhưng Tamerlane muốn là Tamerlane làm. Tương truyền rằng kiến trúc sư ngôi đền là một người trẻ tuổi, tài cao nhưng lại yêu trộm nhớ thầm nàng Bibi Khanym. Nhân Tamerlane đi xa chưa về, anh ta tới gặp nàng Bibi Khanym và xin được hôn nàng một lần trên má. Nếu không được, anh dọa sẽ bỏ ra đi, nàng Bibi Khanym vì sợ ngôi đền mang tên mình bị dang dở không thành nên đành phải chấp nhận. Nhưng nàng ra một điều kiện là phải hôn qua một cái gối nhỏ. Không ngờ rằng nụ hôn đó quá nồng nàn tha thiết đến nỗi chày qua chiếc gối và để lại trên má nàng Bibi Khanym. Như lời hứa, anh bỏ hết tâm

huyết để hoàn thành ngôi đền. Khi Tamerlane trở về biết được chuyện đó, nhà vua đi tìm kẻ dám hôn vợ mình để trị tội, nhưng anh đã trèo lên ngọn Minaret cao nhất và lấy lông chim cột vào tay làm cánh bay đi chỗ khác. Cũng nhờ nụ hôn nóng bỏng của cuộc tình đơn phương vô vọng đó, chúng ta ngày nay được chiêm ngưỡng một ngôi đền lộng lẫy và vĩ đại.

Lăng Gur-Emir cũng là nơi phải tới ở Samarkand, nơi yên giấc ngàn thu của vua Tamerlane. Đây cũng là một công trình kiến trúc tuyệt tác của thời Trung cổ, được trang trí rất lộng lẫy toàn bằng vàng và những phiến đá ngọc bích to lớn, trong đó có một phiến đá lớn nhất thế giới.



Ngôi đền Bibi Khanym



Chợ trời Siab Basar (Ảnh tác giả)



Pháo đài Ark



Đền thờ Bolo Hauz với 40 cây cột (Ảnh tác giả)

Buổi chiều, chúng tôi được dẫn đi thăm Siab Basar, một loại chợ trời của “phương Đông” có mái che lớn nhất ở Samarkand. Chợ Siab bán đủ loại “tửu thượng vàng hạ cám”, trái cây, nho khô, gạo, gia vị, bánh mì, thịt, cá, áo quần,... Du khách tới đây tha hồ mà thưởng thức những món ăn truyền thống hay mua những gói gia vị về làm quà. Tới chợ Siab, du khách cũng đừng quên thưởng thức dưa hấu của Samarkand có màu đỏ mọng nước và rất ngọt. Ngoài ra, ở đây còn bán một loại giấy nổi tiếng, giấy lụa Samarkand, mà nhà thơ Đức Goethe đã viết tập thơ “West-ostlichen Divan” năm 1819 lên đó.

Theo chương trình đã định, buổi tối hôm đó chúng tôi tới nhà anh Dillshod ở ngoại ô ăn tối và cũng để được biết thêm cuộc sống người dân thường ở đây. Cô vợ anh Dillshod đích thân đứng nấu món ăn “Quốc hồn quốc túy” phổ biến nhất của Uzbekistan là Plov. Món Plov hay Palov được chế biến trong một chiếc chảo lớn, hỗn hợp đủ loại nguyên liệu từ cơm, hành, tỏi, cà rốt và thịt cừu. Để cho thi vị hóa thêm món ăn người ta truyền rằng, Plov là do các đầu bếp của Alexander Đại Đế mang vào Uzbekistan cách đây mấy ngàn năm. Hôm nay đi bộ nhiều, ai cũng đói bụng, gặp món ăn ngon lạ miệng, mọi người đều ăn uống hăng say chẳng mấy chốc hết sạch mâm. Chắc chủ nhà cũng vui lây vì món ăn của mình nấu được khách hết lòng chiều chuộng.

Ngày mai chúng tôi sẽ rời Samarkand để đi Bukhara. Tới Samarkand đã khó mà ra đi còn khó hơn, nơi đây đã để lại trong tôi quá nhiều ấn tượng huy hoàng, đẹp đẽ. Samarkand là thành phố không dễ làm du khách quay lưng lại khi tới đây, họ sẽ nhớ và sẽ mong được trở lại một lần nữa để nhìn lại những công trình kiến trúc vĩ đại này.

Bukhara, thành phố tâm linh êm đềm:

Tôi đến Bukhara vào một buổi chiều gió lạnh và ánh nắng chưa dứt, dịu dàng chạy dài trên những mái ngói. Rất may, tôi được ở một Hotel nằm ngay trung tâm thành phố. Nên sau khi nhận phòng, tôi vội khoác áo lạnh, nhẹ bước vào khu phố cổ. Thành phố thật êm đềm tĩnh lặng, yên lặng đến độ tôi có thể nghe được bước chân mình đang dẫm trên những viên gạch lát trên đường. Băng qua những con hẻm xưa, đi sâu vào khu phố cổ, tôi cảm thấy mình như đang lạc vào trong thế giới thần tiên của 1001 đêm và tôi như đang bay theo máy thời gian để trở về ngàn năm trước. Bukhara hiện nguyên hình là thành phố Trung cổ với chiều dày lịch sử 2.500 năm, với đền đài, lăng tẩm vẫn còn nguyên vẹn sau bao nhiêu thế kỷ. Trong một thành phố nhỏ như Bukhara có cả trăm đền thờ và Madrasa, chưa kể đến những lăng tẩm, bảo tàng viện và chợ mái vòm. Tôi chợt liên tưởng đến thời huy hoàng của thành phố vào thế kỷ thứ 9 đến 16. Nơi đây đã từng là trung tâm lớn về Hồi giáo và cũng là nơi gặp gỡ nhộn nhịp của các đoàn lữ hành với bày lạc đà thồ những kiện hàng nặng trĩu đi từ Á qua Âu và từ Âu qua Á.

Anh Dillshod, hướng dẫn viên, cho chúng tôi biết vì sao Bukhara vẫn giữ được một số đền đài qua bao nhiêu thiên niên kỷ. Khi quân Mông Cổ tràn qua, chỉ vì mối thù, Thành Cát Tư Hãn đã ra lệnh tàn phá tất cả những cung điện, đền đài trừ những Minaret mà quân Mông Cổ dùng làm tháp canh. Người dân sợ hãi lấy đất lấp những ngôi đền thờ để che giấu. Rồi thời gian trôi qua, người ta quên đi. Cho đến thế kỷ thứ 20, trong một dịp tình cờ những ngôi đền đó được tìm thấy dưới 2 thước đất. Trong cái hạn có cái may, nhờ thế Bukhara còn giữ được nguyên vẹn những công trình kiến trúc ngàn năm.

Bukhara nổi bật với Minaret Kalyan. Đây là ngọn hải đăng trên sa mạc xây bằng gạch vào năm 1127, cao 45,5 m chu vi ở chân tháp là 9 m và ở đỉnh 6 m. Ở trong tháp có 104 bậc thang hình xoắn ốc lên đến tận nóc. Minaret được dùng làm tháp canh và ban đêm trên ngọn tháp cao được thắp sáng để cho các đoàn lữ hành định hướng mà đi. Minaret Kalyan được coi như một biểu tượng của thành phố Bukhara.

Bukhara có quá nhiều thứ để coi, để mở mắt ra chiêm ngưỡng và để tấm tắc khen ngợi. Như Ulugbek một học viện cổ nhất Trung Á, học viện Abdulaziz Khan với lối kiến trúc đặc biệt vùng Bukhara, học viện Miri Arab, ngọn hải đăng Kalon Minaret, pháo đài Ark một thành lũy được xây trước thế kỷ thứ 1 TCN, Bolo Hauz đền thờ Hồi giáo với 40 cây cột được trạm trổ rất mỹ thuật, lăng mộ Samanid,... Bukhara còn có ba ngôi chợ mái vòm còn sót lại từ thế kỷ thứ 16, nơi đây du khách có thể mua vàng bạc, tơ lụa. Tơ lụa là món hàng được du khách ưa chuộng vì ở đây dệt tơ lụa là một trong những nghề nổi tiếng và lâu đời của họ. Với hơn 140 công trình cổ, Bukhara đã xứng đáng để UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới năm 1993.



Tượng Mullah Nasruddin cưỡi lừa



Chợ mái vòm (Ảnh tác giả)

Ở trung tâm thành phố, tôi bắt gặp được bức tượng bằng đồng của Mullah Nasruddin Khodja cưỡi lừa với nụ cười thâm thúy muôn đời trên môi. Mullah Nasruddin còn có tên là Nasruddin Hoja nổi tiếng nhờ tính khôi hài, châm biếm nhưng thâm thúy và thông minh. Ông sống khoảng đầu thế kỷ thứ 13. Nơi ông sinh ra vẫn còn là một vấn đề để tranh cãi, nhiều quốc gia ở Trung Á, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ đều nhận là ông sinh ra ở nước họ. Uzbekistan cũng

không khác hơn, cho rằng ông sinh ra ở Bukhara, nên dựng tượng ông ở đó. Dù ông sinh ở đâu đi nữa, những giai thoại về Mullah Nasruddin đều giống nhau, có tính cách khôi hài, châm biếm, lúc cho ông là kẻ ngốc nhưng khôn ngoan, ở chỗ khác thì ông là kẻ khôn ngoan nhưng ngớ ngẩn, nhưng tựu trung đều hàm chứa ẩn ý những bài học về đạo đức. Chuyện “mất lửa” sau đây cũng nói lên một phần nào tinh thần khôi hài đen đó. Có một lần Mullah Nasruddin bị mất con lừa, hàng xóm thấy ông không đi kiếm lừa mà đang cầu nguyện cảm ơn thượng đế. Ông hàng xóm ngạc nhiên chạy qua hỏi “Tại sao ông mất lừa mà ông lại còn cảm ơn thượng đế?”, ông điềm tĩnh trả lời “Tôi may lắm, nếu tôi còn ngồi trên lưng lừa. Không những con lừa đi lạc mà còn cả tôi nữa. Nên tôi phải cảm ơn thượng đế”. Năm 1996, UNESCO đã công nhận là „Năm của Nasruddin Hoja“ để vinh danh ông.

Đến Bukhara du khách sẽ thấy thời gian qua quá nhanh và quá ít ỏi để cảm nhận được hết vẻ đẹp đẽ, cái dịu dàng, sự bình an êm đềm của mảnh đất tâm linh với những kỳ quan kiến trúc cổ xưa ở nơi đây. Những khu lăng tẩm, những đền đài, những học viện, những cung điện, những chợ cổ mái vòm trong một không gian thu hẹp tạo thành một bảo tàng viện sống động về một thành phố của ngàn năm về trước. Không quá đáng khi Bukhara được mang danh là “Hòn ngọc của con đường tơ lụa” [4]. Tôi rời Bukhara mà vẫn nhớ nắng chiều chạy dài trên những ngôi chợ cổ mái vòm ở nơi đây.

Khiva, thành phố xưa màu xanh biêng biếc:

Sáng hôm sau đang ngủ chập chờn, tôi bị đồng hồ đánh thức vào lúc 4 giờ sáng, để đi Khiva (Xiva) bằng xe Bus. Khiva cách Bukhara khoảng 400 km, nhưng xe chạy hơn 8, 9 tiếng kể cả nghỉ ngơi và ăn trưa. Ngồi trên xe Bus, tôi chợt nhớ đến chuyến đi bằng xe lửa từ Tashkent đến Samarkand thật là dễ chịu và êm ái. Đường xá ở đây không được tốt cho lắm, nhiều chỗ không đổ nhựa và ổ gà cũng không ít. Nhất là những đoạn đường chạy qua sa mạc Kizilkum nắng cháy da, không một bóng người, không một tàn cây, không một làn khói bếp, chỉ có một loài cỏ thấp chạy đến tận chân trời. Tôi chợt nghĩ đến con đường khổ nạn cách đây 15 thế kỷ mà Đường Huyền Trang đã phải dấn thân đi qua và trong lòng dấy lên một niềm cảm phục.



Phố cổ Itchan Kala



Tháp Kalta Minor (Ảnh tác giả)



Tượng của nhà toán học al-Chwarizmi



Đền Juma với 212 cột gỗ (Ảnh tác giả)

Theo kinh Cựu ước, cách đây 6000 năm, sau trận Đại hồng thủy gia đình ông Noah là những người duy nhất còn sống sót trên một chiếc thuyền cùng với tất cả các loài thú vật. Shem người con trai của ông Noah, đã lưu lạc tới đây và may mắn tìm được nguồn nước ngọt dưới nắng cháy sa mạc. Trên nguồn nước ngọt đó, ngày nay thành phố Khiva đã được xây dựng lên. Nhưng đây chỉ là truyền thuyết, không ai biết rõ Khiva xuất hiện từ năm nào. Theo sử sách, thì vào thế kỷ thứ 6 Khiva là một thành phố buôn bán rất phồn thịnh thuộc về vương quốc Khwarazm ở Iran. Đến thế kỷ thứ 10, Khiva được biết đến là một trung tâm thương mại lớn ở trên con đường tơ lụa. Đây là điểm dừng chân cuối cùng, trước khi các đoàn lữ hành vào sa mạc Karakum để đến Iran.

Khiva nằm trong một ốc đảo hướng Tây Bắc của Uzbekistan, được bao quanh bởi sa mạc Kyzylkum và Karakum, có hình chữ nhật và được chia làm hai khu: Dichan Kala và Itchan Kala. Dichan Kala là khu vực bên ngoài, trước đây có bức tường dài để vừa chặn gió cát và ngăn giặc dã. Phố cổ Itchan Kala là khu vực bên trong cũng được bao bọc bằng bức tường gạch đất cao 10 m, rộng 5-6 m với 4 cửa, xây dựng vào thế kỷ thứ 10. Trong phố cổ là những công trình kiến trúc nguy nga lộng lẫy mang đậm nét Hồi giáo nhưng vẫn giữ được nét của Trung Á cổ xưa. Điểm nổi bật của phố cổ Itchan Kala là sự tổng hợp giữa đền đài, cung điện, lăng tẩm, Minaret, Madrasa với không gian của một đô thị sống và sự hòa hợp giữa các công trình kiến trúc được nét truyền thống của thế kỷ thứ 10 với công trình hiện đại của thế kỷ thứ 19, 20. Trong phố cổ nhộn nhịp người qua kẻ lại, tấp nập bán buôn và bên cạnh là đền đài, công thự phần đông được khảm cẩm thạch màu xanh lộng lẫy. Khu phố cổ Itchan Kala là bảo tàng viện sống ngoài trời và năm 1990 được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới.

Ở Khiva có trên 50 di tích để tới xem, nổi bật nhất là pháo đài cổ Kunya Ark được xây vào thế kỷ thứ 17-19, Minaret Islom-Xo'ja cao 44 m, ngôi đền Juma với 212 cột gỗ chạm khắc rất công phu tỉ mỉ, lăng mộ Pahlavon Machmud có mái vòm khảm ngọc nổi bật, cung điện Tasch Hauli được xây vào thế kỷ 19 với những trang trí rất là mỹ thuật ở bên trong, Khiva còn là một trung tâm nghiên cứu về khoa học của vùng Trung Á, với học viện Hồi giáo Mohammed Amin Madrassah được xây vào thế kỷ thứ 19, đây là học viện lớn nhất của Khiva không chỉ dạy về Hồi giáo mà còn về Toán học, Thiên Văn học, Địa lý học. Ở trung tâm thành phố, có dựng một bức tượng của nhà toán học Abu Dscha'far Muhammad ibn Musa al-Chwārizmā. Ông sinh năm 783, mất năm 850 và là người đưa ra cách ứng dụng của số thập phân, nên còn được gọi là “cha đẻ của máy tính”. Tên ông viết ngắn là al-Chwarizmi phát âm theo tiếng Latin là Algorismi và chữ Algorisms có nghĩa là Toán Đại số cũng từ đó mà ra.

Tháp Kalta Minor cũng là một kỳ tích, được xây năm 1852, cao 26 m. Anh Dillshod kể cho chúng tôi nghe về truyền thuyết của ngôi tháp này. Anh đúng là con dân của xứ “1001 đêm”, mỗi nơi tới tham quan anh đều có một câu chuyện đi kèm để kể. Ngày xưa ngày xưa, có một ông vua muốn xây một tháp cao 70 m, cao nhất trong những Minaret ở xứ Hồi giáo. Nhà vua mời một kiến trúc sư nổi tiếng về để thiết kế và đặt tên cho tháp là Kalta Minor. Mới xây chưa được một nửa, kiến trúc sư đã nghe phong phanh đâu đó, nhà vua định lấy đầu mình sau khi tháp hoàn thành. Lý do là ông vua này không muốn có một tháp thứ hai nào cao và đẹp như thế. Nghe được tin, vị kiến trúc sư rất lo lắng, mất ăn mất ngủ và tìm mọi cách xây tháp thật chậm lại. Cho đến một hôm không ai thấy ông đâu nữa, nhà vua sai người đi tìm, mới biết ông đã cao chạy xa bay mất rồi. Và từ ngày đó đến hôm nay, tháp Kalta Minor vẫn lơ lửng không bao giờ được xây xong.

Mai tôi sẽ rời Khiva để bay về lại Tashkent. Phải rời xa những mái vòm xanh biếc màu ngọc lam, những cổ thành màu vàng sa thạch, những kiến trúc ngàn năm khảm đá xanh lộng lẫy ở giữa lòng sa mạc hoang vu ngút ngàn, dưới khung trời lồng lộng nắng cháy, lòng tôi chợt chùng xuống. Tôi nhớ những người dân mộc mạc ở đây với bộ quần áo truyền thống xa xưa, đàn ông với chiếc áo dài “Chapan” phủ từ đầu đến chân và thắt lưng ngang bụng, phụ nữ với chiếc áo dài “Tunika” sặc sỡ. Tất cả màu sắc đó đã tạo cho tôi cảm giác không chỉ tới thăm một thành phố cổ mà còn như đang sống thật trong một thế giới thần thoại trong câu chuyện cổ tích “Aladin và cây đèn thần”.

Cuối cùng:

Tôi trở lại Tashkent vào một buổi trưa. Bầu trời thủ đô Uzbekistan hôm nay trong vắt, không một bóng mây, nắng nhẹ nhàng không gay gắt, chói chan. Tôi cảm thấy thật dễ chịu, khác hẳn với khí hậu lục địa khắc nghiệt bình thường ở đất nước này với nhiệt độ khá chênh lệch, mùa hè lên đến 40 độ C và mùa đông xuống -20 độ C. Tashkent còn gọi là Toshkent với 3 triệu dân là thành phố lớn nhất ở nước này và không như 3 thành phố mà tôi đã đi qua, đường xá ở đây sạch sẽ ngăn nắp, với những công viên xanh mát và các cao ốc rộng lớn. Tashkent mới được xây dựng lại sau một trận động đất lớn nhất lịch sử ngày 26 tháng 4 năm 1966 (dưới thời Liên Xô). Một đường nứt kéo dài 27 km đã phá hủy hoàn toàn 36.000 ngôi nhà, biến 300.000 người trở thành vô gia cư. Tuy sự thiệt hại về nhân mạng không lớn, nhưng trong phút chốc gần như cả thành phố đã biến thành tro bụi. Trên hoang tàn, người dân Uzbekistan đã xây lại những ngôi nhà, những công sự và cả các đền đài, cung điện cổ xưa bị đổ nát. Tashkent đã trở mình khoác chiếc áo khác, mang hình dáng của một thành phố tân thời với những nét kiến trúc to lớn và ấn tượng của Liên Xô.



Sa mạc Kizilkum (Ảnh tác giả)

Nơi công viên trung tâm thành phố, có hai tượng đài đáng ghi nhớ. Một tượng đài để tưởng niệm nạn nhân của trận động đất năm 1966 và một tượng đài “Người Mẹ đau thương” để tưởng nhớ đến nạn nhân của Đệ nhị thế chiến. Cuộc thế chiến thứ hai đã lấy mất đi 500.000 người con của Uzbekistan, vào thời điểm đó chỉ có 7 triệu dân. Uzbekistan là một đất nước có quá khứ nhiều thăng trầm, lảm tang thương, không có an bình, luôn luôn có chiến tranh, chết chóc và phá hủy. Hết đế chế này đi qua đến đế chế khác tới, hết Alexander Đại Đế, đến Iran (Ba Tư), Mông Cổ, Ả Rập, Nga rồi Đệ nhị thế chiến đã để lại dấu vết tàn phá trên mảnh đất này. Uzbekistan tuy là một nước có chiều sâu về lịch sử nhưng còn quá son trẻ, mới được độc lập từ năm 1991. Nền kinh tế vẫn còn trì trệ, đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Họ phần đông sống về canh nông, nông sản chính là bông vải. Uzbekistan là một trong quốc gia xuất cảng nhiều nhất về bông vải, nhưng chính điều đó tạo ra những vấn đề về môi trường. Những cánh đồng trồng bông bạt ngàn cần rất nhiều nước nên tạo ra tình trạng thiếu nước ở một vài nơi. Chưa nói đến phân bón hóa học, thuốc trừ sâu bọ đã làm ô nhiễm môi trường thiên nhiên. Tuy đất nước còn nghèo, nhưng người dân ở đây lại rất hiền hòa, bình dị và hiếu khách. Họ rất thích chụp hình chung với du khách và chỉ vậy thôi chứ không đòi hỏi hay xin xỏ thêm một điều gì.

Bước lên máy bay, tôi quay lại để nhìn Uzbekistan một lần chót và cũng để nói cảm ơn bằng tiếng Uzbekistan “Rahmat”. Đất nước này đã cho tôi quá nhiều kỷ niệm đẹp đẽ trong suốt 10 ngày qua. Tôi ra đi mà vẫn giữ trong đầu những hình ảnh của đoàn lữ hành mờ mờ nhễ nhại cuối lạc đà đi giữa sa mạc mênh mông, nắng cháy da thịt, những kiến trúc ngàn năm màu ngọc lam lộng lẫy, ánh nắng buổi chiều chạy dài trên những ngôi chợ cổ mái vòm, những tháp Minaret cao sừng sững, những Madrasa (học viện Hồi giáo) trang nghiêm, cổ kính, quảng trường Registan vĩ đại và những người dân mộc mạc, hiền hòa, hiếu khách. Cảnh và người nơi đây quyện vào nhau đắm thắm, hài hòa như ngàn năm qua. Không biết bao giờ sẽ trở lại nơi đây, nhưng hình ảnh Uzbekistan chắc chắn sẽ khó phai nhòa trong tâm trí tôi.

Mùa Đông năm 2017
Lương Nguyên Hiền

Tài Liệu đọc thêm:

[1] Wikipedia “Con đường tơ lụa“

[2] „Đại Đường Tây Vực Ký“, Đường Huyền Trang, HT.Thích Như Điển dịch

- [3] Zeit Online, “Uzbekistan: Samarkand, der Spiegel der Welt“, Benjamin Dürr
[4] Đài truyền hình Đức SWR, „Buchara Perle an der Seidenstraße“

www.vietnamvanhien.org

